



BÀI 5

KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT & TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TRONG DOANH NGHIỆP

Mục tiêu bài học

- Phân biệt được chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm
- Nắm được nguyên tắc hạch toán các khoản chi phí sản xuất trong doanh nghiệp
- Nắm được quy trình hạch toán CPSX và tính Z_{sp}
- Biết được các phương pháp tính giá thành cơ bản



2. Khái niệm chi phí và Zsp

- **2.1 Chi phí sản xuất là**
- **Các khoản hao phí vật chất**
- **Dn đã bỏ ra để thực hiện quá trình sản xuất sản phẩm**
- **Trong một thời kỳ nhất định**
-



Chi phí sản xuất bao gồm

- **Chi phí nguyên vật liệu chính**
(Direct material)
- **Chi phí nhân công trực tiếp**
(Direct labor)
- **Chi phí sản xuất chung**
(Manufacturing overhead)



2. Khái niệm chi phí và Zsp (tt)

- **Chi phí ngoài sản xuất**

- Chi phí bán hàng (Chi phí lưu thông, tiếp thị)
- Chi phí quản lý (Chi phí hành chính)

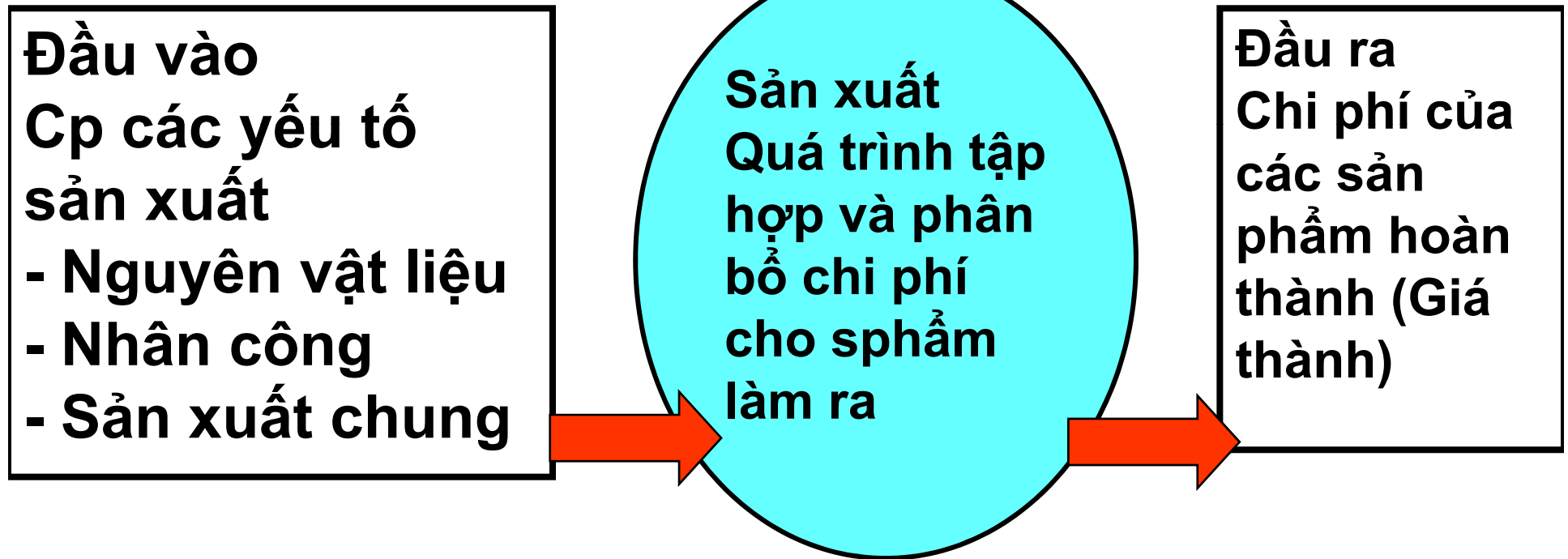


2.2 Giá thành sản phẩm

i Công thức xác định

$$\text{Z đơn vị sản phẩm} = \frac{\text{Tổng Zsp}}{\text{Kết quả sản xuất}}$$

Quá trình theo dõi, hạch toán CPSX và tính giá thành sản phẩm



Giá thành sản phẩm

Công thức chung:

Giá thành sản phẩm hoàn thành	=	CPSX DDĐK	+	CPSX PSTK	-	CPSX DDCK
--	----------	----------------------	----------	----------------------	----------	----------------------

II. Nội dung kế toán chi phí sản xuất và tính Zsp

- **1. Kế toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp**
- **Chi phí NVL trực tiếp bao gồm**
 - Chi phí về NVL chính & NVL phụ
 - Trực tiếp cho sản xuất sản phẩm.
- **Tài khoản sử dụng**
 - Tko 621 “Chi phí NVL trực tiếp”



Nguyên tắc ghi chép

621 “CPNVL trực tiếp”

- Tập hợp CPNVL trực tiếp phát sinh

Giá trị vật liệu thừa nhập lại kho
Kết chuyển CPVL trực tiếp vào Tài khoản tính Z

i Tk 621 không có số dư cuối kỳ

Trình tự hạch toán

(1) Trong tháng khi xuất kho vật liệu để trực tiếp sản xuất sản phẩm, kế toán ghi:



Nợ 621



Có 152

(2) Vật liệu sử dụng để sản xuất sản phẩm còn thừa được trả lại kho sẽ ghi



Nợ 152



Có 621

Trình tự hạch toán

(3) Vật liệu sản xuất sản phẩm của kỳ này còn thừa nhưng để lại phân xưởng để tiếp tục sử dụng, ghi:

- **Nợ 621**
- **Có 152 (ghi mục dở hoặc đóng ngoặc)**

(4) Sang đầu kỳ sau sẽ ghi bình thường để chuyển thành chi phí của kỳ sau

- **Nợ 621**
- **Có 152 (ghi mục thường)**

(5) Cuối tháng tổng hợp chi phí NVL trực tiếp thực tế sử dụng trong tháng để kết chuyển vào Tk tính Z

- **Nợ 154 “Chi phí SXKD dd”**
- **Có 621**

2. Kế toán chi phí nhân công trực tiếp

- Chi phí nhân công trực tiếp bao gồm
 - Chi phí liên quan đến người lao động trực tiếp sản xuất sản phẩm
 - Chi phí tiền lương, khoản trích theo lương
 - Chi phí khác thanh toán cho công nhân trực tiếp sản xuất sản phẩm.
- Tài khoản sử dụng: Tk 622 “Chi phí nhân công trực tiếp sản xuất”.

Nguyên tắc hạch toán

622 “CP Nhân công trực tiếp”

- Tập hợp CPNC
trực tiếp phát
sinh

Kết chuyển CPNC
trực tiếp vào Tk
* 622

Tk 622 không có số dư cuối kỳ

➤ Trình tự hạch toán

(1) Khi xác định tiền lương phải thanh toán CNV để tính vào CP, kế toán ghi:

Nợ 622 “CP nhân công trực tiếp” – lương CNSX

Nợ 627 “CPSX chung” – lương nhân viên PX

Nợ 641 “CP bán hàng” – lương nhân viên BH

Nợ 642 “CP QLDN” – lương nhân viên QLDN

Có 334 – Lương phải thanh toán CNV

➤ Trình tự hạch toán

(2) **Khi tính các khoản trích theo lương vào CP**
Nợ 622, 627, 641, 642 “Các khoản trích theo lương mà doanh nghiệp nộp”

Có 338 (2,3,4) (Trích 19%/tiền lương)

Phần BHXH, BHYT người lao động nộp:

Nợ 334

Có 338 “Phải trả & phải nộp khác”

(3) **Khi doanh nghiệp thanh toán lương CNV**

Nợ 334 (Thanh toán lương cho CNV)

Có 111

Ví dụ minh họa

3. Kế toán chi phí sản xuất chung

- **Chi phí sản xuất chung (Overhead cost):** Tất cả các chi phí không phải là chi phí NVL trực tiếp và chi phí nhân công trực tiếp
- **Chi phí sản xuất chung bao gồm**
 - Chi phí phục vụ & quản lý ở phân xưởng sx
 - Chi phí nhân viên phân xưởng,
 - Chi phí khấu hao TSCĐ sử dụng ở phân xưởng,
 - Chi phí về vật liệu, công cụ dụng cụ dùng ở phân xưởng,...

3.2 Phân bổ chi phí sản xuất chung

i Giả sử phân bổ theo tiền lương

$$\text{Mức phân bổ CPSX chung cho } sp_i = \frac{\text{Chi phí sản xuất chung thực tế phát sinh}}{\sum \text{Tiền lương CNSX của các loại } sp} * \text{Tiền lương CNSX của } sp_i$$

Vấn đề ở đây là ý tưởng của việc phân bổ ???

3.3 Nội dung kế toán chi phí sản xuất chung

- Tài khoản sử dụng: Tk 627 “Chi phí sản xuất chung”.
- Nguyên tắc ghi chép
627 “CPSX chung”

- Tập hợp CPSXC phát sinh

*

- Kết chuyển CPSXC vào Tk tính Z

-Trình tự hạch toán: Xem tài liệu

Ví dụ 3

- **Tại một DNSX có các tài liệu sau:**

- ~~Tình hình chi phí sản xuất phát sinh trong tháng~~

1. Xuất kho VL có trị giá 4 triệu đồng để trực tiếp sản xuất sản phẩm
2. Xuất kho công cụ dùng cho phân xưởng có trị giá 200.000 phân bổ 2 lần.
3. Tiền lương phải thanh toán cho công nhân 900.000, trong đó CN trực tiếp sản xuất 600.000, nhân viên phân xưởng 300.000
4. Trích BHXH, BHYT, KPCĐ tính vào chi phí theo quy định và trừ lương công nhân
5. Khấu hao TSCĐ tính cho PXSX là 200.000
6. Cuối tháng tiến hành kết chuyển các khoản mục chi phí để tổng hợp chi phí sản xuất phát sinh trong tháng, biết CPSX DDĐK là 1 triệu, CPSX DDCK là 500.000 đồng

- *Yêu cầu:* Định khoản và ghi vào sơ đồ tài khoản tài liệu trên.

4. Tổng hợp chi phí sản xuất để tính giá thành sản phẩm (Z_{sp})

- **4.1 Tập hợp chi phí sản xuất**
- **Cuối tháng trên cơ sở các khoản mục chi phí NVL trực tiếp, Nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung đã được kết chuyển,**
 - **Kế toán tổng hợp chi phí sản xuất phát sinh trong tháng,**
 - **Đánh giá sản phẩm dở dang trong tháng để làm căn cứ tính Z_{sp} hoàn**

4.2 Tính Z sản phẩm hoàn thành

- Mục đích tính giá thành sản phẩm:
- Xác định giá trị hàng tồn kho trên bảng CĐKT
- Xác định giá vốn hàng bán ra (Cost of goods sold – COGS) để tính kết quả kinh doanh trong kỳ và báo cáo kết quả kinh doanh.
- Định giá bán sản phẩm và ra các quyết định trong việc chấp nhận hay không đơn đặt hàng của khách hàng.



Tính giá thành theo phương pháp giản đơn

■ (1) Công thức tính

Giá thành sản phẩm hoàn thành	=	CPSX DDĐK	+	CPSX PSTK	-	CPSX DDC K	-	CÁC KHOẢN LÀM GIẢM Z
--	----------	----------------------	----------	----------------------	----------	---------------------------	----------	---

Trong đó: Các khoản làm giảm Z như :

- chi phí thiệt hại sản xuất**
- chi phí sản phẩm hỏng, phế liệu...**

(2) Điều kiện áp dụng

- Phương pháp áp dụng:
 - Những doanh nghiệp sản xuất một hoặc một vài mặt hàng,
 - với khối lượng lớn, chu kỳ ngắn,
 - không có hay có ít sản phẩm dở dang
- Ví dụ:
 - xí nghiệp sản xuất động lực (điện, nước),
 - doanh nghiệp khai thác...
 - và các phân xưởng sản xuất phụ (cung cấp hơi, điện, nước).
- Đối tượng tính giá thành trùng đối tượng tập hợp chi phí.

(3) Ví dụ 4

Công ty A sản xuất một loại sản phẩm X trên quy trình công nghệ sản xuất giản đơn có tài liệu về tình hình sản xuất vào tháng 3 năm 2002 như sau:

- Chi phí sản xuất dở dang đầu tháng: 5.000.000đ
- Chi phí sản xuất sản phẩm X phát sinh trong tháng:
 - Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp: 40.000.000đ
 - Chi phí nhân công trực tiếp: 9.520.000đ
 - Chi phí sản xuất chung: 5.000.000đ

Phế liệu thu hồi nhập kho có trị giá 520.000đ

Số lượng sản phẩm X hoàn thành trong tháng 1000 sản phẩm.

Yêu cầu:

- Xác định tổng Zsp hoàn thành. Biết CPSX DDCK = 2.000.000
- Xác định giá thành đơn vị sản phẩm X.

(4) THẺ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM

Chỉ tiêu	Tổng số	Chia theo các khoản mục chi phí		
		Vật liệu trực tiếp	Nhân công trực tiếp	Sản xuất chung
1. Chi phí sản xuất dở dang đầu kỳ	500	500		
2. Chi phí xuất phát sinh trong kỳ	27.200	13.000	4.760	9.440
3. Chi phí sản xuất dở dang cuối kỳ	1.500	1.500		
4. Các khoản làm giảm chi phí				
5. Tổng giá thành sản phẩm	26.200	12.000	4.760	9.440
6. Số lượng thành phẩm	1.000	1.000	1.000	1.000
7. Giá thành đơn vị sản phẩm	26,2	12	4,76	9,44

4.3 Tài khoản sử dụng:



- **Tk 154 “Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang”.**
- **TK 155 “Thành phẩm”**

Nguyên tắc ghi chép

TK 154

SDĐK: CPSXDD
đầu kỳ

Tổng hợp CPSX
trong kỳ

SDCK: CPSXDD
Cuối kỳ

Trị giá sản
phẩm nhập kho

4.4 Nội dung hạch toán

- (1) Ghi nhận sự phát sinh của Tk 621, 622, 627**
- (2) Từ các Tk này, cuối tháng tiến hành kết chuyển vào Tk 154**

Nợ 154 “Chi phí sản xuất dở dang”

Có 621 – Chi phí vật liệu trực tiếp

Có 622 – Chi phí nhân công trực tiếp

Có 627 – Chi phí sản xuất chung

- (3) Ghi nhận phế liệu thu hồi nhập kho (nếu có):**

Nợ 152 “Vật liệu nhập kho”

Có 154 – Chi phí sản xuất dở dang

4.4 Nội dung hạch toán

(4) Tính Zsp hoàn thành theo các công thức được nêu trên.

(5) Zsp hoàn thành nhập kho thành phẩm được phản ánh:

■ **Nợ 155 “Thành phẩm”**

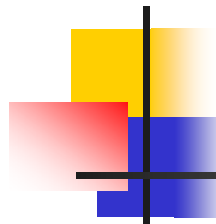
■ **Có 154 – Tổng Zsp hoàn thành**

5. Đánh giá sản phẩm dở dang cuối kỳ

■ Sản phẩm dở dang cuối kỳ

- Sản phẩm chưa hoàn thành
- Tại thời điểm tính Z còn đang chế tạo
- Đã hoàn thành nhưng chưa được kiểm nghiệm nhập kho
- Vậy: Khoản mục này thể hiện ở đâu trên báo cáo tài chính???

5.1 Đánh giá theo chi phí NVL trực tiếp



- **Đặc điểm:**
 - **Chỉ tính chi phí NVL trực tiếp cho spdd**
 - **Trường hợp trong CPNVL trực tiếp mà CPNVL chính chiếm tỷ trọng quá lớn thì chỉ cần tính CPNVL chính cho spdd.**
- **Áp dụng phù hợp:**
- **CPNVL trực tiếp chiếm tỷ lệ lớn hơn 70%.**

Đánh giá theo chi phí NVL trực tiếp (tt)

$$\text{CPSX DDCK} = \frac{\text{CPSX DDĐK} + \text{CHI PHÍ NVLTT PSTK}}{\text{SL SP hoàn thành trong kỳ} + \text{SL SPDD cuối kỳ}} * \text{SL SPDD cuối kỳ}$$

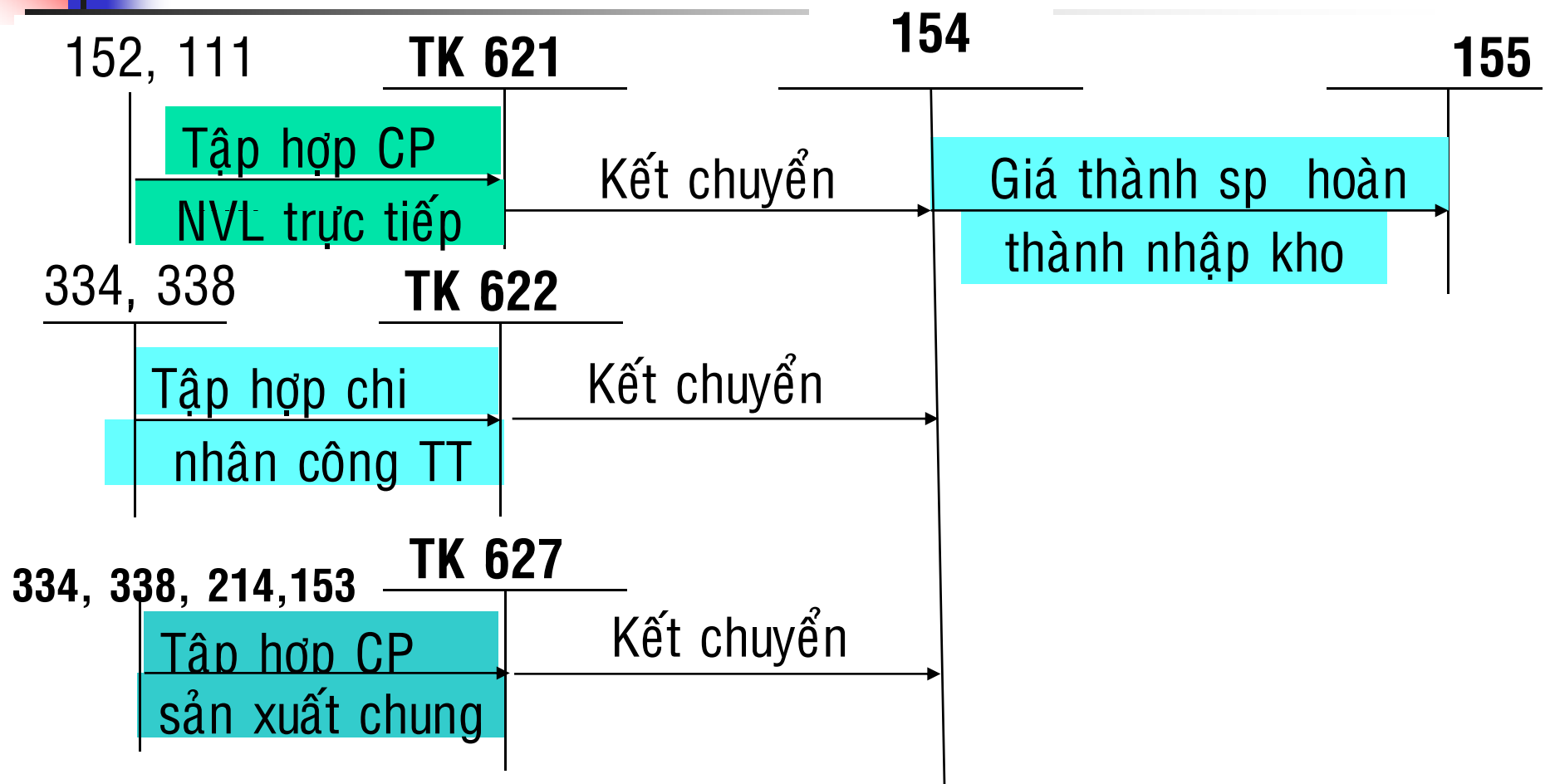


Ví dụ 8

Công ty ABC trong tháng 9/2002 có tài liệu sau:

- **CPSX dd đầu tháng: 10.000.000đ (CPNVLTT)**
- **CPSX phát sinh trong tháng:**
- **Chi phí NVLTT: 100.000.000đ**
- **Chi phí NCTT: 18.000.000đ**
- **Chi phí SXC: 19.000.000đ**
- **Số lượng thành phẩm nhập kho trong tháng 90 sản phẩm.**
- **Số lượng spdd cuối tháng 20 sản phẩm**
- **Yêu cầu: Xác định chi phí sản xuất dở dang cuối tháng và Đơn vị sp.**

Sơ đồ kế toán CPSX và tính Zsp



Trình tự tính giá thành

